

THAM CHIẾU ĐÍNH KÈM

E-CDNT 28.4	<p>Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Bao gồm tất cả các chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng. Đề nghị các nhà thầu tham dự gói thầu này khi chào giá áp dụng mức thuế suất giá trị gia tăng là 10% cho tất cả các hạng mục công việc làm cơ sở thống nhất giá đánh giá, lựa chọn nhà thầu (cùng mặt bằng), thương thảo ký kết hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng</p>
E-ĐKC 10	<p>- Phương thức thanh toán: chuyển khoản 100% giá trị hợp đồng</p> <p>10.1 Tạm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chủ đầu tư tạm ứng 20% giá trị chi phí tư vấn giám sát (trước thuế) xác định theo hợp đồng tư vấn từng hạng mục công trình, trong vòng 30 ngày làm việc ngay sau khi nhận đủ các hồ sơ sau:<ul style="list-style-type: none">+ Hợp đồng tư vấn đã được ký kết và có hiệu lực;+ Văn bản yêu cầu tạm ứng;+ Giấy bảo lãnh tiền tạm ứng (do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành);+ Thông báo khởi công của Chủ đầu tư- Số tiền tạm ứng của từng công tác sẽ được Chủ đầu tư thu hồi toàn bộ ngay từ lần thanh toán đầu tiên.- Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá

trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

- Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

- Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

10.2 Thanh toán:

- Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo 02 đợt:

+ Đợt 1: Thanh toán 90% giá trị chi phí giám sát công trình (bao gồm phần đã tạm ứng) được xác định trong Bản xác định kinh phí thanh toán chi phí giám sát công trình sau khi hạng mục công trình được nghiệm thu quyết toán và Nhà thầu có văn bản yêu cầu thanh toán.

+ Đợt 2: Sau khi có Quyết định phê duyệt quyết toán hạng mục công trình hoàn thành, Chủ đầu tư sẽ thanh toán khoản tiền giữ lại cho Nhà thầu với số tiền là 10% giá trị chi phí giám sát thi công (theo bảng xác định kinh phí thanh toán) trừ/cộng giá trị chênh lệch theo số liệu phê duyệt quyết toán (nếu có). Nếu số tiền chênh lệch bị trừ vượt quá khoản tiền giữ lại này thì số tiền vượt sẽ là nợ đến hạn mà Nhà thầu phải trả cho Chủ đầu tư.

	<p>Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc cho từng đợt thanh toán, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ thanh toán bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng; + Báo cáo kết quả giám sát thi công xây dựng công trình; + Bảng xác định kinh phí thanh toán; Bảng tính giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng, có xác nhận của các bên liên quan, có phụ lục hợp đồng được ký kết theo đúng quy định. + Hóa đơn tài chính hợp lệ chi phí giám sát công trình; + Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này; <p>Hồ sơ liên quan khác (nếu cần) theo yêu cầu của thủ tục thanh toán đầu tư xây dựng.</p>
<p>E-ĐKC 17</p>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng:</p> <p>* Đối với bên nhận thầu:</p> <p>a) Nguyên tắc:</p> <p>Nội dung vi phạm về chất lượng hồ sơ tư vấn giám sát được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiệm thu không đúng thiết kế. - Giám sát thi công không đúng thiết kế bản vẽ thi công, biện pháp thi công được duyệt dẫn đến chất lượng không đảm bảo, gây nên sự cố công trình, phải phá đi làm lại, làm chậm tiến độ. - Kiểm tra, nghiệm thu khối lượng công việc, khối lượng thi công xây dựng và hồ sơ hoàn công không đúng theo bản vẽ thi công được duyệt và khối lượng thi công thực tế tại công trường gây nên sai phạm về khối lượng, ảnh hưởng đến công tác nghiệm thu công việc/hạng mục/dự án phục vụ thanh quyết toán. - Phạt khi để xảy ra sai sót về an toàn, vệ sinh môi trường, chậm tiến độ mà không phát hiện báo cáo và chủ đầu tư.

- Phạt khi nghiệm thu không đúng khối lượng, chất lượng.

- Các nội dung sai sót khác gồm: vi phạm hợp đồng giám sát đã ký; chậm trễ trong nghiệm thu VTTB, nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu đóng điện, nghiệm thu hạng mục/công trình hoàn thành; chậm trễ trong kiểm tra, xác nhận khối lượng; chậm báo cáo từ 3 ngày trở lên hoặc không báo cáo tình hình thi công hàng tuần cho chủ đầu tư; không ghi chép nội dung giám sát trong sổ nhật ký thi công; không cập nhật chương trình IMIS kịp thời; không có mặt trên công trường; không chụp hình, quay phim hoặc chụp hình, quay phim không đầy đủ các vị trí lắp khuất đúng theo quy định.

b) Mức phạt:

Giá trị phạt = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; lần 1 phạt 1%, lần 2 và 3 phạt 3%, lần 4 phạt 5%; tổng giá trị phạt không quá 12% giá trị hợp đồng, mức phạt đạt 12% có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.

Mức khấu trừ (phạt) tối đa: 12%.

*** Đối với bên giao thầu:**

Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải chịu phạt (đồng thời là mức bồi thường) cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu.

2. Bồi thường thiệt hại:

Mức bồi thường = chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng

Trong đó:

+ Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng, ... do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hoặc cung cấp hàng hóa gây ra (thiết kế sai quy chuẩn, tiêu

	<p>chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp dẫn đến thi công xong phải đập bỏ, thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố, ...). (<i>trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi này</i>).</p> <p>+ Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.</p>
--	---